TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 60/2023/QĐST-DS	Mỏ Cày Nam, ngày 14 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 29 tháng 8 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 85/2023/TLST- DS ngày 13 tháng 4 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị R, sinh năm 1971; Trú tại: An H, xã Phước H, huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre (người đại diện ông Lê Minh Tr, sinh 1995; Trú tại ấp Quí Đức A, xã Quới Đ, huyện Thạnh P, tỉnh Bến Tre)

Bị đơn: Nguyễn Văn R1, sinh 1968; Trú tại: Ấp Phước T, xã Bình K, huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/ Nguyễn Thị R2, sinh 1976; Trú tại: Ấp An Tr, xã Phước H, huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện cho ông Nguyễn Văn R1, bà Nguyễn Thị R2: Bà Đoàn Nguyễn Phương M, sinh 1993; Trú tại khu phố 4, thị trấn Mỏ C, huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre.

2/ Nguyễn Văn Tr, sinh 1961; Trú tại: Ấp Phước T, xã Bình K, huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre. (có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

3/ Nguyễn Thị Th, sinh 1982; Trú tại: Ấp Nhuận Tr, xã Sông Th, huyện Trảng B, tỉnh Đồng Nai. (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

4/ Nguyễn Bé H, sinh 1985; Trú tại: Ấp Phước T, xã Bình K, huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre. (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

+ Bà Nguyễn Thị R được quản lý sử dụng một phần thửa đất 134 tờ bản đồ số 7, ký hiệu thửa đất 134A tờ bản đồ số 7, diện tích 1.100 m^2, tọa lạc tại ấp phước Tân, xã Bình Khánh, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre và tất cả các tài sản hiện hữu trên đất (có hồ sơ trích đo hiện trạng sử dụng đất kèm theo).

+ Ông Nguyễn Văn R1 được quản lý sử dụng một phần thửa đất 134 tờ bản đồ số 7, ký hiệu thửa đất 134B diện tích 506.8m^2, 134C diện tích 61.1m^2 cùng tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp phước Tân, xã Bình Khánh, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre và tất cả các tài sản hiện hữu trên đất (có hồ sơ trích đo hiện trạng sử dụng đất kèm theo).

+ Ghi nhận ông Nguyễn Văn R1 tự nguyện cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị R được đi trên lối đi thuộc thửa đất số 134C diện tích 61.1m^2, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp phước Tân, xã Bình Khánh, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre để ra lộ công cộng.

- Chi phí đo đạc, định giá tài sản và các chi phí tố tụng khác 4.955.000 đồng, bà Nguyễn Thị R, ông Nguyễn Văn R1 mỗi người chịu 2.477.500 đồng. Bà R đã nộp xong, nên ông R1 có trách nhiệm hoàn lại cho bà R 2.477.500 đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Nguyễn Thị R chịu 9.625.000 đồng, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004709 và 2.500.000 đồng theo biên lai thu số 0004710 cùng ngày 12/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam.

+ Ông Nguyễn Văn R1 chịu 4.969.000 đồng, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.500.000 đồng theo biên lai thu số 0006744 ngày 29/6/2023 và 2.500.000 đồng theo biên lai thu số 0006816 ngày 17/7/2023 và 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001077 ngày 25/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam. Số tiền thừa sau khi được khấu trừ của 03 biên lai thu trên hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn R1 được nhận.

Các bên đương sự bà Nguyễn Thị R, ông Nguyễn Văn R1 được quyền liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục điều chỉnh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật tương ứng với phần diện tích được Tòa án công nhận của thửa đất số 134 tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp phước Tân, xã Bình Khánh, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre khi đã thực hiện xong nghĩa vụ tài chính cho các đương sự khác và nghĩa vụ án phí, các chi phí tố tụng khác đã được xác định trong quyết định.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân MCN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
Đã ký